

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 5245/TCHQ-GSQL

V/v xử lý vướng mắc tại Nghị định 59
và Thông tư 39

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố

Tổng cục Hải quan nhận được báo cáo vướng mắc của một số Cục Hải quan tỉnh, thành phố liên quan đến việc thực hiện một số quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư 38/2015/TT-BTC. Về việc này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

I. Vướng mắc tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP:

1. Khai báo số IMO khi phương tiện vận tải làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh.

Việc tiếp nhận và xử lý thủ tục hải quan đối với tàu biển không có số hiệu IMO tại khu vực cảng biển đã triển khai thực hiện thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ. Riêng chỉ tiêu khai báo về số IMO, đề nghị hướng dẫn người khai hải quan thực hiện khai báo thay bằng số "0".

2. Việc kiểm tra thực tế tàu biển khi có cơ sở xác định tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép.

a) Về sự khác nhau giữa quy định tại khoản 38, Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 67 Nghị định 08/2015/NĐ-CP) và khoản 4, Điều 68 Luật Hải quan.

- Khoản 4, Điều 68 Luật Hải quan về tuyến đường, thời gian chịu sự giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải, quy định: "*Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật thì thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, Đội trưởng Đội Kiểm soát Hải quan quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét...*". Như vậy, quy định này áp dụng trong trường hợp phương tiện chuẩn bị khởi hành hoặc đang khởi hành theo hành trình mà phát hiện có vi phạm pháp luật thì phải ra quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét, sau đó mới tiếp tục ra quyết định khám xét theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Điểm b, khoản 1, Điều 67 Nghị định 08/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 38, Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP) về tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan, quy định: "*Trường hợp có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa*

buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định kiểm tra thực tế tàu biển hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật". Như vậy, quy định này áp dụng trong trường hợp cơ quan hải quan đang tiếp nhận hồ sơ làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh đối với tàu biển mà phát hiện trên tàu biển có vi phạm thì quyết định kiểm tra thực tế tàu biển hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Về nội dung của quy định kiểm tra thực tế tàu biển.

Quy định kiểm tra thực tế tàu biển được thực hiện khi cơ quan hải quan đang tiếp nhận hồ sơ làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh đối với tàu biển (đang trong quá trình làm thủ tục hải quan, tương tự như kiểm tra thực tế hàng hóa) nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành, Tổng cục Hải quan ghi nhận khi xây dựng quy trình hướng dẫn thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh để các đơn vị thực hiện thống nhất.

3. Xử lý đối với tàu biển tự ý rời cảng.

Điều 67 Luật Hải quan quy định: Phương tiện vận tải xuất cảnh phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng; điểm b khoản 2 Điều 69 Luật Hải quan quy định thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan đối với phương tiện vận tải đường biển xuất cảnh được thực hiện chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016) quy định xử phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không khai, nộp, xuất trình, cung cấp thông tin hồ sơ hải quan đúng thời hạn quy định.

Do vậy, trường hợp tàu biển tự ý rời cảng không làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016) để xử lý.

Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan quản lý tại cảng biển trong việc giám sát tàu biển ra, vào cảng, chỉ cho phép tàu rời cảng sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan xuất cảnh tàu biển và đã được Cảng vụ Hàng hải cấp phép tàu rời cảng.

4. Về hệ thống một cửa quốc gia và dữ liệu hệ thống tiếp nhận thông tin Emanifest chuyển sang hệ thống một cửa quốc gia.

a) Về thủ tục tàu chuyển cảng.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 67 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP thì:

a) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập cảnh hoặc Chi cục Hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do cảng vụ hàng hải, hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển

cảng theo chỉ tiêu thông tin của Bộ Tài chính gửi đến Chi cục Hải quan nơi tàu dự kiến đến.

c) Trong trường hợp tàu biển tiếp tục có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng khác tiếp theo tại Việt Nam thì thực hiện theo điểm a khoản này.

Căn cứ quy định nêu trên, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập cảnh hoặc Chi cục Hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do cảng vụ hàng hải, hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu chuyển đến để lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng. Tuy nhiên, trên Hệ thống mới cho phép Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập cảnh thực hiện việc tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng và lập phiếu chuyển cảng, Tổng cục Hải quan sẽ bổ sung chức năng này trên Hệ thống cho Chi cục Hải quan nơi tàu rời đi và vẫn phải đảm bảo theo dõi được hành trình của tàu từ khi tàu nhập cảnh, sau đó tàu chuyển cảng đến nhiều cảng tại Việt Nam trước khi xuất cảnh ra khỏi Việt Nam.

b) Việc đồng bộ thông tin từ bản khai hàng hóa, vận đơn sang hệ thống VASSCM:

Hiện tại, đối với các vận đơn gom hàng có thông tin mã cảng dỡ hàng được khai báo đúng theo danh mục mã cảng đã được công bố, Công thông tin một cửa quốc gia khi tiếp nhận dữ liệu bản khai hàng hóa, vận đơn gom hàng sẽ đồng bộ sang hệ thống VASSCM theo đúng các cảng dỡ hàng đã khai báo. Khi đó, thông tin về hàng hóa sẽ được gửi đầy đủ sang cho doanh nghiệp cảng tại cảng dỡ hàng. Tuy nhiên, thực tế phát sinh các trường hợp mã cảng dỡ hàng không được khai báo hoặc khai báo không đúng theo danh mục mã cảng đã được công bố, do vậy, toàn bộ thông tin hàng hóa trên bản khai hàng hóa, vận đơn sẽ được đồng bộ sang hệ thống VASSCM theo mã cảng đến tức là cảng đầu tiên nơi tàu nhập cảnh. Theo đó, để việc chuyển thông tin bản khai hàng hóa, vận đơn gom hàng sang hệ thống VASSCM được đồng bộ, tối ưu, đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố yêu cầu doanh nghiệp khai báo chính xác mã cảng dỡ hàng trên vận đơn gom hàng theo danh mục mã cảng đã được công bố.

c) Việc một số chỉ tiêu thông tin khi khai báo thủ tục xuất nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện vận tải chưa chuẩn hóa theo quy định tại Thông tư 50/2018/TT-BTC:

Đối với các chỉ tiêu thông tin được bổ sung đưa vào Thông tư 50/2018/TT-BTC chưa có trên Công thông tin một cửa quốc gia, đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố rà soát và gửi danh sách các chỉ tiêu thông tin cần bổ sung, điều chỉnh trên Công thông tin một cửa quốc gia để Tổng cục Hải quan (Cục CNTT&TKHQ) nghiên cứu, xác định các nội dung cần điều chỉnh hệ thống.

d) Đối với vướng mắc liên quan đến việc phân quyền khai báo bản khai hàng hóa và vận đơn gom hàng:

Theo quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018-NĐ-CP thì người khai hải quan gồm “*Thuyền trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan*” và hiện nay Công thông tin một cửa

quốc gia cho phép hãng tàu phân quyền khai báo cho đại lý, công ty giao nhận hoặc các hãng tàu khác để khai báo bán khai hàng hóa, vận đơn gom hàng.

II. Thông tư 39/2018/TT-BTC:

1. Quy định về nộp tài liệu chứng minh địa điểm đưa hàng về bảo quản và việc cập nhật kết quả kiểm tra địa điểm đưa hàng về bảo quản trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

a) Theo quy định tại điểm b.1.4 khoản 3 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39) thì người khai hải quan chỉ phải nộp một lần các tài liệu chứng minh địa điểm đưa hàng về bảo quản là kho, bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh.

Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp lần đầu tiên đề nghị đưa hàng về bảo quản cập nhật thông tin về các địa điểm đưa hàng về bảo quản trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử để các Chi cục Hải quan khác tra cứu; giải quyết cho doanh nghiệp đưa hàng về bảo quản trong các lần sau và thực hiện kiểm tra điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và cập nhật thông tin kiểm tra vào hệ thống theo quy định tại điểm b.1.3 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

Tuy nhiên, do Hệ thống chưa có chức năng để Chi cục Hải quan cập nhật thông tin này, do vậy, trước mắt, việc nộp một lần các tài liệu chứng minh địa điểm đưa hàng về bảo quản chỉ áp dụng trong phạm vi một Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai, trừ trường hợp địa điểm kiểm tra đã được Chi cục Hải quan kiểm tra theo hướng dẫn tại điểm b dưới đây.

b) Trường hợp kiểm tra địa điểm bảo quản theo quy định tại điểm b.1.3 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39) thì sau khi kết thúc kiểm tra, nếu địa điểm đưa hàng về bảo quản đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, công chức hải quan thực hiện việc kiểm tra theo phân công của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc Cục Hải quan nơi có địa điểm bảo quản (kiểm tra theo đề nghị của Cục Hải quan quản lý Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai) và lập Biên bản chứng nhận việc kiểm tra, nếu địa điểm bảo quản đáp ứng điều kiện quy định thì ghi rõ kết luận tại Biên bản chứng nhận, giao cho doanh nghiệp 01 bản đề xuất trình khi đề nghị đưa hàng về bảo quản cho các lần làm thủ tục tiếp theo. Sau khi Hệ thống đi vào vận hành, đơn vị hải quan thực hiện việc kiểm tra cập nhật kết quả kiểm tra vào Hệ thống.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành được sử dụng nhiều lần xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm e khoản 2 Điều 16 Thông tư 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 39):

Tổng cục Hải quan ghi nhận để bổ sung chức năng theo dõi việc sử dụng Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành cho nhiều lần xuất khẩu, nhập khẩu. Trước mắt, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu đầu tiên sẽ thực hiện việc cấp Phiếu theo dõi trừ lùi như đối với trường hợp giấy phép sử dụng

cho nhiều lần xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 28 Thông tư 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Thông tư 39).

3. Về việc theo dõi trừ lùi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư 38/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Thông tư 39), yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp có công văn gửi Tổng cục Hải quan (qua Cục GSQL về Hải quan), trong đó cung cấp cụ thể thông tin giấy phép để có văn bản xác nhận gửi doanh nghiệp để làm thủ tục cấp phiếu theo dõi trừ lùi theo mẫu số 05/TDTL/GSQL.

4. Vương mắc về khai báo thời gian vận chuyển bằng đường sắt trên tờ khai vận chuyển độc lập một lần nhưng vận chuyển nhiều chuyến cho cả lô hàng quá cảnh

Tại chỉ tiêu thông tin “ngày dự kiến kết thúc vận chuyển” hướng dẫn tiết 7.17 mẫu số 07 mục 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2018/TT-BTC không quy định thời gian dự kiến kết thúc vận chuyển đối với loại hình vận chuyển bằng đường sắt.

Do vậy, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai vận chuyển hướng dẫn người khai hải quan căn cứ thực tế lô hàng vận chuyển, quãng đường vận chuyển để xác định thời gian vận chuyển và thực hiện khai chỉ tiêu thông tin “ngày dự kiến kết thúc vận chuyển” trên tờ khai vận chuyển độc lập để xem xét phê duyệt.

Tổng cục Hải quan có ý kiến đề Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết, thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan TP. Hải Phòng (thay t/l công văn số 9131/HQHP-GSQL, 9427/HQHP-GSQL);
- Vụ, Cục: PC, ĐTCBL, CNTT&TKHQ (đề t/h);
- Lưu: VT, GSQL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Xuân Thành